

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, trên địa bàn thị xã Đức Phổ

Thực hiện Công văn số 305/SKHCN-HCTH ngày 21/3/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, Công văn số 640-CV/TU ngày 30/3/2022 của Thị ủy Đức Phổ về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

UBND thị xã Đức Phổ báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW*) trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW, KẾT LUẬN SỐ 50-KL/TW, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 40-CTr/TU NGÀY 05/4/2013 và KẾ HOẠCH SỐ 223-KH/TU NGÀY 30/9/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

1. Công tác hướng dẫn, triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, UBND thị xã đã tổ chức quán triệt và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường về nội dung và tầm quan trọng của Nghị quyết 20-NQ/TW; chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu trong thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý; phát triển khoa học và công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Đức Phổ.

2. Công tác xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo có liên quan của các cấp ủy đảng và chỉ đạo thực hiện

- Trên cơ sở Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 và Kế hoạch số 223-KH/TU ngày 30/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND thị xã đã tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 100-KH/HU ngày 05/11/2019 thực hiện Kết luận số 50-KT/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- UBND thị xã đã triển khai Kết luận số 50-KT/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế tập trung các nhiệm vụ trọng tâm về tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 20-NQ/TW; Nâng cao năng lực ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của thị xã, địa phương và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện: Nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số; Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Triển khai các Chương trình, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Công tác tuyên truyền của các tổ chức chính trị xã hội, các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng

UBND thị xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Truyền thông – Văn hóa – Thể thao thị xã, UBND các xã, phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết 20-NQ/TW thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường thời lượng đưa tin, bài, chuyên mục khoa học và công nghệ trên hệ thống truyền thanh thị xã và xã, phường; phối hợp Đài truyền hình Quảng Ngãi (PTQ), Báo Quảng Ngãi, Tạp chí thông tin khoa học và công nghệ tỉnh đưa tin, bài về ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất trên địa bàn thị xã như: Gạo nếp ngự Sa Huỳnh, Rượu Nếp ngự Sa Huỳnh; Mắm Nhum Phở Châu; Tinh bột nghệ, tinh bột gừng, bột nghệ, bột gừng... của HTX Bốn Vân, dự án Nâng cao chất lượng chăn nuôi bò thịt trên địa bàn thị xã Đức Phổ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Kết quả phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn

1.1. Lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông

- Đẩy mạnh thực hiện hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông, đồng bộ và theo lộ trình. Đến nay, 100% các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường đã áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice-VNPT; áp dụng phần mềm một cửa điện tử liên thông để tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa điện tử thị xã, xã, phường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã, từng bước xây dựng tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, nâng cao hiệu quả điều hành, giải quyết công việc.

- Đến nay, đã cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 2; tỷ lệ xử lý hồ sơ đúng hạn là trên 90%; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa điện tử thị xã đang triển khai thử nghiệm dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4.

- Triển khai và ứng dụng chữ ký số: các cơ quan chuyên môn thị xã, UBND các xã, phường và cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo tại các cơ quan đã được cấp chữ ký số để triển khai áp dụng và quản lý điều hành văn bản điện tử có ký số; UBND thị xã đã xây dựng kế hoạch tập huấn và triển khai cho tất cả các cá nhân, tổ chức ứng dụng chữ ký số trong quản lý điều hành văn bản điện tử. Hiện nay, tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thị xã Đức Phổ đã thực hiện áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành iOffice-VNPT.

1.2. Lĩnh vực nông nghiệp: Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp.

a) Lĩnh vực trồng trọt:

Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp có hiệu quả như: đưa các giống lúa có năng suất, chất lượng vào sản xuất như: Thiên ưu 8, OM6976, VTNA2, QNg 6, năng suất đạt từ 65-67 tạ/ha, cao hơn 6-8 tạ so với năng suất đại trà; các giống lạc sẻ, lạc L14; bưởi da xanh, thanh long ruột đỏ..., sản lượng cây lương thực có hạt năm 2020 là 53.996 tấn (*Trong đó: Lúa 51.274 tấn, Ngô 2.722 tấn*). Hằng năm, xây dựng 01-02 mô hình cánh đồng lớn trong sản xuất lúa áp dụng mô hình thâm canh giống lúa mới kết hợp sử dụng chế phẩm vi sinh Sumitri trước gieo sạ vụ Đông Xuân, quy mô 10ha/mô hình (*giai đoạn 2015-2020: đã xây dựng 15 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 159 ha, tại các xã Phổ Vinh, Phổ Văn, Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Ninh, Phổ Cường, Phổ An, Phổ Hòa...*).

b) Lĩnh vực chăn nuôi:

Về chăn nuôi: Bước đầu áp dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến như công nghệ chuồng kín trong chăn nuôi heo; sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà, hầm biogas xử lý chất thải trong chăn nuôi bảo vệ môi trường,... nhờ đó đã giảm thiểu phát sinh dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất. Công tác lai tạo phát triển đàn bò lai, giống tốt, chất lượng cao ngày càng được chú trọng. Đến nay, tổng đàn gia súc hiện có 55.350 con; trong đó tổng đàn bò 36.500 con, đàn trâu 850 con, đàn lợn 18.000 con; tỷ lệ bò lai hiện nay đạt hơn 94,6%. Công tác kiểm tra, kiểm soát giết mổ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng được chú trọng. Công tác thanh tra theo từng lĩnh vực ngành được làm thường xuyên.

c) Lĩnh vực thủy sản:

Ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất thủy sản nói riêng đã và đang trở thành xu thế tất yếu hiện nay. Theo đó, nhờ áp dụng những tiến bộ về khoa học, kỹ thuật sản lượng khai thác nuôi trồng thủy sản tăng hàng năm cụ thể:

- Về khai thác: năm 2011, sản lượng khai thác là 56.943 tấn; năm 2015, sản lượng đạt 61.530 tấn; đến năm 2021 đạt 67.500 tấn, tăng 118% so với năm 2011.

- Về nuôi trồng: Năm 2011, sản lượng 2.925 tấn, năm 2015 đạt 3.535 tấn, đến năm 2021 đạt 4.300 tấn, tăng 147% so với năm 2011.

Mặc dù đem lại một số kết quả khả quan, song hoạt động KHCN trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản trên địa bàn thị xã hiệu quả chưa cao, các mô hình chế biến thủy sản ứng dụng khoa học công nghệ còn ít, sản phẩm thủy sản của địa phương chủ yếu bán thô cho các địa phương khác ngoài tỉnh.

1.3. Lĩnh vực công nghiệp:

- Thị xã Đức Phổ đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng kế hoạch, phân khai kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp công nghiệp (khuyến công) và khoa học công nghệ - ngân sách thị xã, tỉnh để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chuyên gia công nghệ, ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, các mô hình trình diễn kỹ thuật, đào tạo lao động, xúc tiến thương mại... Đến nay, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn thị xã chủ yếu ứng dụng máy móc, thiết bị vào sản xuất; chú trọng công nghệ xử lý môi trường, xử lý nước thải tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn thị xã để giải quyết vấn đề môi trường, sản xuất bền vững.

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển công nghiệp theo hướng gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với phát triển đô thị và thương mại, dịch vụ; đổi mới việc đầu tư hạ tầng công nghiệp.

- Tập trung huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, nhất là đèn bù, giải phóng mặt bằng, san nền, hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, nước, xử lý nước thải ... để thu hút đầu tư.

- Tiếp tục giải phóng mặt bằng theo quy hoạch đã phê duyệt và xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư lấp đầy diện tích mặt bằng Cụm công nghiệp Đồng Làng.

- Xúc tiến, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư các dự án, các loại hình công nghiệp dịch vụ. Nhất là tại khu vực cửa biển Mỹ Á (phường Phổ Quang) nhằm phục vụ đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và ngành phụ trợ phục vụ cho đánh bắt hải sản xa bờ,...

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành chức năng của tỉnh khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Phổ Phong; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào Khu công nghiệp.

- Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và các loại hình thương mại, dịch vụ chất lượng cao;

- Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN phục vụ phát triển nông nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thức ăn chăn nuôi, sửa chữa đóng mới tàu thuyền, sản xuất ngư lưới cụ, may mặc, sản xuất vật

liệu xây dựng, các cơ sở công nghiệp giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô trên cơ sở sử dụng công nghệ mới, tiên tiến và thân thiện với môi trường.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư, kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; chuyển đổi phương thức đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghiệp từ sử dụng chủ yếu ngân sách nhà nước sang doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh và phương thức hợp tác công tư (PPP);

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hút nhiều lao động, các ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu từ sản phẩm nông nghiệp.

- Thường xuyên rà soát, xử lý nghiêm các dự án chậm tiến độ theo quy định; sử dụng hiệu quả, hợp lý đất đai.

- Trên địa bàn thị xã Đức Phổ có 04 Cụm công nghiệp được hình thành với tổng diện tích 38,397ha, gồm: Cụm công nghiệp Sa Huỳnh có diện tích 4,1225ha, Cụm công nghiệp Phổ Phong có diện tích 10,206ha, Cụm công nghiệp Đồng Làng có diện tích 20ha, Cụm công nghiệp Phổ Hòa có diện tích 4,0684ha.

+ Tỷ lệ lấp đầy các Cụm Công nghiệp đạt 91,26%. Trong đó: Cụm công nghiệp Phổ Phong đạt 100%, Cụm công nghiệp Sa Huỳnh đạt 100%, Cụm công nghiệp Đồng Làng đạt 65,03%, Cụm công nghiệp Phổ Hòa đạt 100%.

+ Đến nay, đã có 23 dự án đăng ký đầu tư vào các Cụm Công nghiệp, với tổng kinh phí đăng ký là 398,36 tỷ đồng, trong đó có 17 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, 05 dự án đang thực hiện lập các hồ sơ thủ tục để đầu tư xây dựng; tạo công ăn việc làm cho khoảng 836 lao động tại địa phương.

2. Việc xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Về kinh phí phục vụ cho các dự án, đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật, công nghệ vào trong sản xuất, nuôi trồng với tổng số tiền là 421.222.000 **đồng**; trong đó: Ngân sách KHCN tỉnh hỗ trợ: 4.022.000.000 đồng; ngân sách thị xã bố trí: 3.200.000.000 đồng; vốn HTX và dân đóng góp: 414.000.000 đồng. Ngoài ra, từ năm 2016 đến nay, hằng năm UBND thị xã đều bố trí kinh phí từ ngân sách thị xã để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ được xét duyệt trong năm.

- Triển khai hơn 150 lớp tập huấn, chuyên giao quy trình canh tác, kỹ thuật sản xuất ứng dụng khoa học và công nghệ cho nông dân trên địa bàn thị xã.

3. Về đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Xác định việc phát huy và phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy đảng và chính quyền các cấp; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của cấp ủy, chính quyền; của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền từ thị xã đến cơ sở. Các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy đảng và chính quyền hàng năm.

4. Về đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Quy trình đăng ký, xét duyệt, tuyển chọn, phê duyệt và giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quy trình tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và công nghệ và các quy trình quản lý của UBND tỉnh đã ban hành. Phát huy cao hơn vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức khoa học và công nghệ thông qua việc mời các ngành, cơ quan, đơn vị, các tổ chức khoa học và công nghệ liên quan trong việc đề xuất xác định danh mục đề tài, dự án; xác định cụ thể đơn vị tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sau khi đề tài, dự án được tổng kết - nghiệm thu, kết thúc.

Ưu tiên lựa chọn, giao triển khai thực hiện với những nhiệm vụ có tính mới, tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết trên địa bàn trong sản xuất và đời sống; các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp phải tạo được chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, định hướng phát triển thương mại hóa sản phẩm cụ thể, rõ ràng và có tính khả thi cao.

5. Về hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh hợp tác với các Trường Đại học và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đến khảo sát, nghiên cứu, chuyển giao; đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Tăng cường các nội dung hợp tác, liên kết và tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức trên địa bàn thị xã; chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá những kết quả đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 và Kế hoạch số 223-KH/TU đã đề ra

- Việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 20-NQ/TW góp phần đưa kinh tế của thị xã Đức Phổ tiếp tục tăng trưởng khá lên từng năm. Bên cạnh đó, việc tập trung thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW gắn với thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp từng năm đã đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, bước đầu hình thành vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn theo hướng công nghệ cao, có năng suất, chất lượng và sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường; máy móc, thiết bị tự động hóa trong sản xuất được đầu tư nâng cấp. Ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn; gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp; tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí, hóa chất, điện tử viễn thông phục vụ sản xuất công nghiệp. Ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có giá trị kinh tế và phù hợp; phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích lúa kém hiệu quả, theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, giá trị sản xuất; chăn nuôi phát triển theo hướng trang

trại, gia trại; nuôi trồng thủy sản chuyên biến tích cực. Khoa học và công nghệ đã từng bước được áp dụng trong nhiều lĩnh vực như: giáo dục đào tạo, thông tin, truyền thông, y tế, quốc phòng – an ninh, bảo vệ môi trường... mang lại những chuyển biến và hiệu quả tích cực trong hoạt động nghiên cứu, quản lý, sản xuất và kinh doanh.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung khoa học và công nghệ trên địa bàn thị xã Đức Phổ còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Năng lực khoa học và công nghệ còn nhiều hạn chế:

Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn còn ít và hạn chế về năng lực; thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ và tổ chức thực hiện những chương trình, dự án nghiên cứu lớn. Cơ cấu nhân lực khoa học và công nghệ theo ngành nghề và tại từng địa phương còn nhiều bất hợp lý, thiếu cân đối.

Đầu tư của xã hội cho khoa học và công nghệ còn rất thấp, đặc biệt là đầu tư từ khu vực doanh nghiệp. Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm còn thiếu, không đồng bộ, một số lạc hậu không còn phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành để thực hiện các phép đo có độ chính xác cao.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn nhiều bất cập: Số lượng đề tài, dự án khoa học và công nghệ đăng ký thực hiện hàng năm ít. Các đề tài thường chỉ giải quyết những vấn đề đơn lẻ, chuyên biệt, phục vụ chủ yếu cho một ngành, một cơ sở, đơn vị. Số lượng đề tài mang tính chất nghiên cứu đa ngành, tổng hợp còn rất ít, ý nghĩa khoa học của một số đề tài còn hạn chế. Một số đề tài thực hiện trong thời gian qua có chất lượng chưa cao, sau khi nghiệm thu không thể triển khai nhân rộng gây lãng phí nguồn lực.

- Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ chậm được đổi mới, còn mang nặng tính hành chính, cụ thể:

Việc lồng ghép các chương trình khoa học và công nghệ với các chương trình kinh tế - xã hội còn hạn chế, chưa tập trung đầu tư vào những lĩnh vực có tính đột phá. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa mạnh dạn đầu tư kinh phí để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu triển khai chưa có định hướng rõ nét, mặc dù các đề tài đều xuất phát từ yêu cầu thực tế và hướng vào giải quyết các vấn đề bức xúc của ngành và cơ sở.

Cơ chế quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ chưa tạo thuận lợi cho nhà khoa học, chưa huy động được nhiều nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; cơ chế tự chủ về tài chính của các tổ chức khoa học và công nghệ chưa đi liền với tự chủ về quản lý nhân lực nên chưa đạt được như mong muốn.

- Thị trường khoa học và công nghệ chậm phát triển. Hoạt động mua, bán công nghệ và lưu thông kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ còn bị hạn chế do thiếu

các tổ chức trung gian, môi giới, các quy định pháp lý cần thiết, đặc biệt là hệ thống bảo hộ hữu hiệu quyền sở hữu trí tuệ. mạng lưới cơ quan nghiên cứu và với cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, lạc hậu. nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ, nhất là các cơ sở dữ liệu rất nghèo nàn.

Do những hạn chế nêu trên, nên hoạt động khoa học và công nghệ chưa có những đóng góp lớn có ý nghĩa tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội; chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội của thị xã.

b) Nguyên nhân

- Nhận thức của xã hội đặc biệt là các ngành, các cấp về khoa học và công nghệ chưa đầy đủ và có phần hạn chế, chưa coi khoa học và công nghệ là giải pháp thúc đẩy hoạt động của ngành, địa phương và doanh nghiệp; chưa thực sự coi đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển, do vậy, chưa có sự quan tâm đúng mức đối với hoạt động này.

- Cơ chế quản lý kinh tế chưa tạo nhu cầu thực sự đối với khoa học và công nghệ. Thiếu cơ chế, chính sách hữu hiệu để gắn kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất - kinh doanh và khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ kém hiệu quả, nhưng chậm được đổi mới, không phát huy được năng lực khoa học và công nghệ hiện có. Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ chậm được kiện toàn và củng cố. Cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập, đặc biệt là việc quy định giá trị tiền công lao động khoa học, các chế độ quản lý chi tiêu, thủ tục thanh quyết toán còn phức tạp, chưa có cơ chế đặc thù. Thiếu các cơ chế, chính sách hỗ trợ đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, đổi mới công nghệ.

- Đầu tư xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Các ngành, các doanh nghiệp chưa thực sự mạnh dạn đầu tư cho việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh về ngành nghề sản phẩm. Nhìn chung, đầu tư toàn xã hội vào khoa học và công nghệ còn quá thấp.

- Việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ khoa học còn nhiều bất cập; năng lực trình độ cán bộ khoa học kỹ thuật còn hạn chế, cơ cấu chưa hợp lý. Thiếu quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao ở các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, đặc biệt là cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, các “tổng công trình sư”. Trong công tác quản lý đào tạo nguồn nhân lực còn có sự chồng chéo và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan.

- Chính sách khuyến khích, huy động nguồn nhân lực từ các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học tham gia đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào phát triển sản xuất chưa thực sự hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương (Khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, việc đầu tư cho khoa học và công nghệ cần có trọng tâm, trọng điểm, tập trung nguồn lực cho các nội dung phát triển khoa học và công nghệ có ý nghĩa tác động trực tiếp tới các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ. Đầu tư đúng mức và có trọng điểm cho các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn và khoa học tự nhiên phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của thị xã. Tập trung triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có khả năng ứng dụng cao, có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, gắn với nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

2. Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ thích hợp cho khu vực nông thôn và miền núi, chú trọng các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy thế mạnh vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân. Tăng tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có khả năng thương mại hóa, đặc biệt là các mô hình ứng dụng trong sản xuất đời sống và dự án sản xuất thử nghiệm qua từng năm.

3. Tiếp tục đề xuất đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, nhanh chóng nâng cao hiệu quả đầu tư và đóng góp thiết thực của khoa học và công nghệ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo công nghệ cao và các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển mối liên kết giữa viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp, đẩy nhanh hoạt động thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ.

5. Rà soát cơ chế tài chính, bổ sung nguồn lực địa phương và kêu gọi đầu tư nhằm tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn thị xã. Tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ về số lượng, có chất lượng cao, đạt tương đương trình độ các nước trong khu vực. Đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ đáp ứng được với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, kiểm soát an toàn bức xạ hạt nhân...

6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính. Đơn giản hóa quy

trình và thủ tục, giảm thiểu thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có cơ chế đặc thù nhằm đảm bảo chi ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW đã đề ra; đảm bảo tỷ lệ chi cân bằng, hợp lý giữa các địa phương. Hiện nay, kinh phí phân bổ cho hoạt động khoa học và công nghệ của thị xã Đức Phổ đang ở mức rất thấp, đối với nguồn lực của địa phương rất khó để thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, kịp thời giải quyết những khó khăn bất cập trong triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang đặt ra, đặc biệt là các nhiệm vụ trong giai đoạn 2021-2025.

- Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm đầu tư, hỗ trợ nguồn lực thúc đẩy phát triển, tạo sự đột phá thực sự về hạ tầng, ứng dụng và nhân lực công nghệ thông tin - truyền thông, phát triển hạ tầng kết nối số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển kinh tế số.

UBND thị xã Đức Phổ kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- CT, PCT(KT) UBND thị xã;
- Văn phòng thị xã,
- Phòng Kinh tế,
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Vương

Phụ lục 1

Thông kê các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, chương trình hành động, văn bản có liên quan về lĩnh vực khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Ký hiệu	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Thực hiện Kết luận số 50-KT/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	100-KH/HU	05/11/2019	Huyện ủy Đức Phổ (Nay là Thị ủy Đức Phổ)	
2	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Đức Phổ	804/UBND-PKT	14/4/2021	UBND thị xã Đức Phổ	

Phụ lục 2

Thống kê về nhân lực và các tổ chức khoa học và công nghệ giai đoạn 2012-2021

Bảng 1. Thống kê nhân lực khoa học và công nghệ

Năm	Tổng số	Chia theo trình độ					Chức danh	
		TSKH và TS	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Khác	Giáo sư	Phó Giáo sư
2012-2022	0							

Bảng 2. Thống kê các tổ chức khoa học và công nghệ

Năm	Tổng số	Theo lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ						Theo loại hình kinh tế		
		Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học y, dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
2012 - 2022	0									

Phụ lục 3

Thống kê các tổ chức, doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm, số lượng viên chức, công chức trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

TT	Tên tổ chức, doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm khoa học và công nghệ	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức khoa học và công nghệ
1	Phòng Kinh tế thị xã Đức Phổ	02